

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2019/DS-PT

Ngày: 03/4/2019

V/v “Yêu cầu bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Trần Thị Thúy Kiều -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án đã thụ lý số: 111/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2019 về “Yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 114/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:20/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị P, sinh năm 1961 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện N, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Tấn M, sinh năm 1968.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Bà Huỳnh Thị X, sinh năm 1970 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện N, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện N, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Người kháng cáo:** ông Phạm Tấn M là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị P trình bày:

Ngày 17/3/2018, bà thấy xe hoa lâm chở 01 cây mai vàng chạy vô nhà ông Phạm Văn T. Khi đến vườn nhà thì bà phát hiện bị chở mất 01 cây mai, còn lại 01 cây

chưa chở. Cây mai bị chở mất là loại mai vàng, chiều cao khoảng 04m, đường kính gốc 22cm, cây khoảng 15 năm tuổi, được trồng trên phần đất của bà thuộc thửa 1055, 1056 tờ bản đồ số 4. Sau khi phát hiện mất, bà có đến báo công an ấp.

Ngày 18/3/2018, bà gặp ông T và hỏi ông là ai cho bứng mai vàng trên đất của bà thì ông T cho rằng M (em trai bà) bán 02 cây với giá là 3.500.000 đồng. Bà có yêu cầu ông T chở trả cây mai vàng cho bà. Ngày 21/3/2018, chị em bà là Phạm Thị Nguyệt, Phạm Thị X và bà có đến nhà ông T bàn bạc để xin chuộc lại cây mai vàng nhưng ông T không đồng ý. Sau đó, bà nộp đơn yêu cầu chính quyền ấp và xã hòa giải nhưng hòa giải không thành.

Trong đơn, bà yêu cầu hủy hợp đồng mua bán giữa ông M và ông T, đồng thời yêu cầu ông M và ông T phải trả cho bà cây mai vàng mà ông T đã chở về nhà. Nay bà yêu cầu trả giá trị cây mai là 10.000.000 đồng theo giá hội đồng định giá. Cây mai hiện nay đã chết, cây mai vàng qua định giá khi còn sống là 10.000.000 đồng, bà thống nhất giá, không có ý kiến gì.

Cây mai vàng mà bà yêu cầu là do bà trồng trên đất của mẹ bà cho bà, còn phần đất ông M được mẹ cho 2.000m² trên phần đất khác nhưng bà cũng đã mua của ông M, đã trả tiền xong. Ông M đã không canh tác trên đất này lâu lắm rồi. Lúc ông M ở trên đất có trồng 02 cây mai chiều thủy nên khi chú mua mai hỏi mua mai vàng thì bà không bán, chú đó mới hỏi mua mai chiều thủy thì bà nói 02 cây mai chiều thủy đó trước đây của ông M trồng nên bà cho ông M bán, có gì xuống hỏi ông M, không biết chú mua mai xuống nói với ông M thế nào bà không rõ. Bà không biết người này là ai.

Tại phiên tòa, bà rút yêu cầu hủy hợp đồng mua bán giữa ông M và ông T; rút yêu cầu ông T liên đới cùng ông M trả cho bà giá trị cây mai là 10.000.000 đồng, bà chỉ yêu cầu ông M trả giá trị cây mai cho bà là 10.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Tấn M là bà Huỳnh Thị X trình bày:

Vào năm 1989, mẹ ông M là bà Huỳnh Thị Hoa có cho ông M 2.600m², ông M canh tác đến năm 2002 ông mới bán cho bà P 2.000m². Ông M kê đo đất nhưng bà P không đo cũng không trả tiền theo đất vườn mà nói sẽ trả theo đất mía. Sau đó, ông M về quê vợ ở. Lúc ông M còn ở đất mẹ cho, ông M được ông Phạm Tấn Phước cho 5, 6 cây mai vàng, ông trồng còn sống được 03 cây, bà P bán 01 cây, 01 cây mà ông T chở về nằm trên phần đất 600m² còn lại của mẹ cho, 01 cây nằm trên nền nhà ông ở trước đó.

Năm 2017, có chú mua mai đến nhà hỏi ông M có bán mai không, ông M hỏi mai đâu mà bán thì chú mua mai chỉ mai trên vườn, ông M nói của bà P thì chú mua mai trả lời bà P chỉ xuống nhà ông M bán cho.

Sau 02 ngày, chú mua mai trở lại mua nhưng không được giá. Ngày 20 quét mộ, ông M hỏi chú Út L giá mai, bà P chỉ ông T, rồi ông T qua mua của ông M 02 cây mai vàng với giá 3.500.000 đồng. Ông M đã nhận 3.500.000 đồng, bán 01 cây lớn, 01 cây nhỏ, cây lớn ông T chở về nhà, còn cây nhỏ hiện ông T chưa chở. Bán vào ngày 22/12/2017 al, ông T đưa trước tiền cọc 2.000.000 đồng, hẹn qua tết thì ông T bứng mai. Khi ông T bứng mai thì bà P chửi ông T.

Tại buổi hòa giải ở ấp và xã, ông M cho rằng bà P cho ông mới bán, bà P không cho thì ông M đưa tiền cho bà P hết nhưng bà P không đồng ý nhận tiền mà đòi trồng lại cây mai y như cũ.

Nay bà P yêu cầu ông M, ông T trả lại cây mai vàng giá 10.000.000 đồng, ông M không đồng ý vì bà P cho ông M bán 02 cây mai vàng này nên ông M đã bán cho ông T 02 cây, ông T mới chở 01 cây, 01 cây bà P đem về nhà, trong khi đó ông M nhận tiền 02 cây là 3.500.000 đồng nên cây ông M bán là của ông M. Chị và ông M không biết chủ mua mai là ai, do người lạ nên không xác định được.

Hội đồng định giá cây mai vàng bao nhiêu chị không ý kiến, không yêu cầu định giá lại.

Trước đây ông M có nộp đơn yêu cầu phản tố bà P trả cây mai còn lại để ông M trả cho ông T nhưng sau đó ông M không yêu cầu nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T trình bày:

Vào khoảng 08 giờ ngày 22/12/2017, ông có ngồi uống trà tại nhà ông Sáu R, chị Phạm Thị P là em ruột của bà P, cũng là chị dâu của ông, đồng thời có mặt ông Phạm Tấn L là chú ruột của bà P, ông M. Trong lúc ngồi uống trà nói là ông M muốn bán 02 cây mai, có người trả 2.600.000 đồng/2 cây mà chưa chịu bán. Sau khi uống trà, ông mới xuống hỏi ông M, sau khi xem 02 cây mai, ông đồng ý mua giá 02 cây mai là 3.500.000 đồng, lúc đó ông M không có nói cây mai nằm trên đất của hộ bà P nên ông không biết. Ông mua có sự chứng kiến của ông L.

Chiều 17 giờ ngày 22/12/2017 al, ông đến nhà trả tiền trước cho ông M 2.000.000 đồng, đến ngày 02/02/2018 al, ông mới bứng thì ông M đồng ý. Đến ngày bứng mai, ông trả 1.500.000 đồng còn lại. Trong quá trình bứng mai, ông M có mặt, không có mặt bà P. Sau khi bứng xong, ông chở 01 cây về, còn để lại 01 cây, định hôm sau chở cây còn lại. Khi mua mai, ông nghĩ là đất của ông M do trước đây ông M có ở trên đất này và do chú Út L chỉ nên nghĩ cây mai là của ông M.

Vào mùng 03/02/2018 al, ông bứng cây ở đất kế bên thì gặp bà P. Bà P hỏi ông ai bán cho ông mà ông bứng, ông trả lời do ông M bán. Bà P cho rằng mai của bà nên chở ông, vì vậy ông không chở cây mai còn lại. Ông khẳng định ông chưa từng hỏi mua mai của bà P.

Trong quá trình hòa giải ở ấp, xã thì bà P có yêu cầu ông trả lại cây mai nhưng ông không đồng ý. Sau đó, ông có nói cho ông M chuộc lại nhưng lúc này cây mai đã bị đổ thuốc rồi nên ông M, bà P không chuộc lại.

Hội đồng định giá cây mai vàng bao nhiêu ông không ý kiến, không yêu cầu định giá lại.

Nay bà P yêu cầu ông M và ông T trả lại cây mai vàng giá 10.000.000 đồng, ông không đồng ý vì ông mua cây mai đã trả tiền rồi, có chú Út L chứng kiến. Đối với cây mai còn lại mà ông chưa chở, trước đây ông có yêu cầu ông M trả lại cho ông nhưng nay ông không yêu cầu để ông M tự thỏa thuận về cây mai còn lại.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện N đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 114/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre, tuyên xử:

Căn cứ Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227, 217, 218, 219 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 116, 117, 170, 158, 589, 131, 133, 186 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy hợp đồng mua bán giữa ông Phạm Văn T và ông Phạm Tấn M.

Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Phạm Văn T cùng ông Phạm Tấn M liên đới trả cho bà Phạm Thị P 10.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Phạm Tấn M bồi thường giá trị cây mai vàng cho bà Phạm Thị P là 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/12/2018, ông Phạm Tấn M là bị đơn trong vụ án kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, chỉ đồng ý bồi thường cây mai vàng đã chết cho bà P với số tiền 1.750.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Tấn M là bà Huỳnh thị X trình bày:

Bà yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông M, sửa bản án sơ thẩm vì hiện tại cây mai đã chết nhưng buộc ông bồi thường giá trị cây mai còn sống theo giá của Hội đồng định giá 10.000.000 đồng là không phù hợp nên không đồng ý bồi thường vì cây mai này là tài sản của ông M.

Nguyên đơn bà Phạm Thị P trình bày:

Bà không đồng ý nội dung kháng cáo của bị đơn, yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị P, buộc ông Phạm Tấn M bồi thường giá trị cây mai vàng cho bà Phạm Thị P số tiền 10.000.000 đồng là có căn cứ. Ông M kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh tại phiên tòa phúc thẩm nên kháng cáo không có cơ sở chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tuyên xử theo hướng: không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Tấn M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 114/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện N. Những nội dung khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo của đương sự, không có kháng nghị của Viện Kiểm sát nên phát sinh hiệu lực.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra X xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của

bị đơn và ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Phạm Thị P khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Tấn M trả cho bà giá trị cây mai vàng có chiều cao khoảng 04m, bán kính khoảng 22cm với số tiền là 10.000.000 đồng vì bà cho rằng cây mai vàng này được trồng trên đất của bà, việc ông M bán cây mai vàng cho ông Phạm Văn T là chưa được sự đồng ý của bà. Phía bị đơn ông Phạm Tấn M không đồng ý vì việc bán cây mai vàng là do bà P đồng ý cho ông bán.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Phạm Tấn M thấy rằng: Theo biên bản lấy lời khai ông Phạm Tấn L ngày 09/11/2018 thì phần đất có trồng cây mai đang tranh chấp trước đây là của mẹ bà P, ông M, sau này bà P là người trực tiếp canh tác, quản lý. Tại biên bản hòa giải ngày 15/4/2018 tại ấp A, ông M có trình bày: “do đã lỡ bán rồi, chị (là chị P) muốn bao nhiêu tiền anh sẵn sàng gởi lại”. Tại biên bản hòa giải ngày 15/5/2018 của Ủy ban nhân dân xã Đ, ông M thừa nhận do ông hiểu lầm đã bán 02 cây mai vàng của chị P cho anh T, nếu chị P đồng ý bán nhận tiền thì anh cũng đồng ý giao tiền bán mai cho chị P. Đồng thời, theo lời khai của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại biên bản hòa giải ngày 07/11/2018 và ngày 14/11/2018 có trình bày: “năm 2017 có chú mua mai đến nhà hỏi anh M có bán mai không, anh M hỏi mai đâu mà bán thì chú mua mai chỉ mai trên vườn, anh M nói của bà P...”. Như vậy, cây mai mà bà Phương yêu cầu ông M trả giá trị được trồng trên phần đất mà bà P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được bị đơn thừa nhận là thuộc quyền sở hữu của bà P.

[3] Ông M cho rằng ông bán 02 cây mai vàng là do bà P kêu bán nhưng bà P không thừa nhận cho ông M bán 02 cây mai vàng mà chỉ xác định có cho ông M bán 02 cây mai chiếu thủy do ông M trồng. Ông M không có chứng cứ gì khác để chứng minh là bà P đồng ý cho ông bán cây mai vàng, trong khi đó ông biết cây mai mà ông bán cho ông T là thuộc quyền sở hữu của bà P.

[4] Theo lời khai của ông T thì cây mai mà các bên tranh chấp đã chết vào ngày 15/6/2018. Vì vậy, Hội đồng định giá đã tiến hành định giá cây mai tại thời điểm còn sống có giá trị là 10.000.000 đồng. Do ông M là người có lỗi trong việc bán cây mai khi chưa có sự đồng ý của bà P nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải có trách nhiệm bồi thường giá trị cây mai tại thời điểm cây mai còn sống là có cơ sở.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Tấn M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 114/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre. Những nội dung khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo của đương sự, không có kháng nghị của Viện Kiểm sát nên phát sinh hiệu lực.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông M thuộc trường hợp gia đình liệt sĩ nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Tấn M

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 114/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bến Tre. Cụ thể:

Căn cứ Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227, 217, 218, 219 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 116, 117, 170, 158, 589, 131, 133, 186 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu hủy hợp đồng mua bán giữa ông Phạm Văn T và ông Phạm Tấn M.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Phạm Văn T cùng ông Phạm Tấn M liên đới trả cho bà Phạm Thị P 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Phạm Tấn M bồi thường giá trị cây mai vàng cho bà Phạm Thị P là 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

4. Buộc ông Phạm Tấn M bồi thường giá trị cây mai vàng cho bà Phạm Thị P với số tiền là 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

5. Ông Phạm Tấn M có nghĩa vụ hoàn trả chi phí định giá là 550.000 (Năm trăm năm chục ngàn) đồng cho bà Phạm Thị P.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Phạm Tấn M được miễn nộp án phí.

+ Hoàn trả cho bà Phạm Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0018887 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho ông Phạm Tấn M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0021833 ngày 19/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện N (1b);
- Chi cục THADS huyện N (1b);
- Phòng KTNV và THA; VP (3b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu hồ sơ (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt